TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HNGĐ - PT
Ngày 16 - 01 - 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Kim Nhung

Ông Nguyễn Hữu Tuyến

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLPT- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn. Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ - ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 836/2017/QĐ - PT ngày 07 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thọ M, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Th

Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Trong vụ án này còn có Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q và Quỹ tín dụng nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án nhưng kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th không liên quan đến những người này nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ tình cảm : Anh Nguyễn Thọ M và chị Nguyễn Thị Th yêu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào tháng 6 năm 1993. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cải to tiếng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân hơn 04 năm. Anh M thấy tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Th. Chị Nguyễn Thị Th trình bày nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do những năm gần đây anh M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhưng chị vẫn tha thứ, chị muốn gia đình hòa thuận, chị không nhất trí việc anh M xin ly hôn.

Về con chung: Anh M, chị Th thừa nhận vợ chồng có 04 đứa con chung, Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/5/1994; Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 31/7/1998; Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh ngày 02/01/2001 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 15/02/2012. Hai con chung Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Phương Th đã trên 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với hai con chung Nguyễn Thị Ánh Ng và Nguyễn Thị Lan A anh, chị thống nhất để anh M nuôi hai con chung và chị Th không phải đóng góp tiền nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản: Anh chị thừa nhận vợ chồng có 01 nhà cấp 4 diện tích 70m^2 xây trên thửa đất có diện tích 2500m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 thửa đất có diện tích 250m^2 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân xã A, anh chị không yêu cầu Tòa án định giá tài sản. Ngoài ra, vợ chồng còn có 01 máy cắt sắt, 01máy trộn bê tông và một số gỗ cốt pha xây dựng.

Về nợ chung của vợ chồng: Anh chị thừa nhận hiện còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q 28.000.000 đồng và Quỹ tín dụng nhân dân xã A 135.000.000 đồng. Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao tất cả nhà và đất cho các con (đối với thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP411678, thửa đất số 325, tờ bản đồ số 21 tại thôn K, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình diện tích 250m^2 mang tên Nguyễn Thọ M, Nguyễn Thị Th đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân xã A, khi nào anh M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã A mới làm thủ tục tặng cho các con); Toàn bộ nợ tại của vợ chồng anh M chịu trách nhiệm trả. Riêng anh M được sở hữu 01 máy cắt sắt, 01máy trộn bê tông và một số gỗ cốt pha xây dựng đã củ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ - ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 59, Điều 60; các điều 58, 81, 82, 83, 117 Luật hôn nhân và gia đình

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thọ M được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh ngày 02/01/2001 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 15/02/2012 cho anh Nguyễn Thọ M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Th không phải đóng tiền nuôi con chung, sau này anh M có yêu cầu sẽ được xem xét. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Thọ M và chị Nguyễn Thị Th:

- Giao cho các cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/5/1994; Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 31/7/1998; Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh ngày 02/01/2001; Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 15/02/2012 được quyền sử dụng 01 thửa đất có diện tích 2500m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn K, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; sở hữu, quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 70m^2 xây trên thửa đất có diện tích 2500m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn K, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; quản lý 01 thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP411678, thửa đất số 325, tờ bản đồ số 21 tại thôn K, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình diện tích 250m^2 mang tên Nguyễn Thọ M và Nguyễn Thị Th đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân xã A. Khi nào anh M thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân xã A thì anh M, chị Th có nghĩa vụ thực hiện chuyển giao quyền tặng cho các con.

- Anh Nguyễn Thọ M được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng máy cắt sắt, máy trộn bê tông và cốt pha xây dựng không còn giá trị.

- Anh Nguyễn Thọ M chịu trách nhiệm trả nợ 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng) cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q; 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) cho Quỹ tín dụng nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và lãi phát sinh số tiền gốc nói trên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên buộc nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm ly hôn, án phí chia tài sản và quyền kháng cáo cho đương sự.

Ngày 11 tháng 10 năm 2017, chị Nguyễn Thị Th là bị đơn trong vụ kiện kháng cáo bản án sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ - ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình về phần quan hệ hôn nhân: Chị không nhất trí việc

Tòa án cấp sơ thẩm xử cho anh M được ly hôn chị, vì chị và các con là nữ giới nên việc ly hôn làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình. Chị Th đề nghi Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn yêu cầu ly hôn của anh M.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, anh Nguyễn Thọ M vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi xem xét nội dung kháng cáo, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 29 tháng 9 năm 2017 Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh , tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm vụ án số 08/2017/HNGĐ – ST về việc ly hôn giữa anh Nguyễn Thọ M và chị Nguyễn Thị Th , ngày 11 tháng 10 năm 2017 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th với nội dung chị Th không nhất trí việc Tòa án cấp sơ thẩm xử cho anh M được ly hôn chị. Đơn kháng cáo của chị Th làm trong hạn luật định đúng quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, căn cứ Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận để xét xử.

[2] Anh Nguyễn Thọ M và chị Nguyễ n Thị Th yêu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào tháng 6 năm 1993, đây là hôn nhân hợp pháp. Lẽ ra anh chị phải sống hạnh phúc để cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm anh M, chị Th đều trình bày, do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân hơn 04 năm không còn quan hệ vợ chồng, trong thời gian này chị Th đã cùng gia đình và các tổ chức đoàn thể nhiều lần hòa giải, động viên anh M về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể thuyết phục anh M về chung sống, nhưng chị

mong Tòa án xử bác đơn ly hôn để anh M về sống cùng chị, vì các con. Từ trình bày của anh M, chị Th Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh M xin được ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm xử cho anh Nguyễn Thọ M được ly hôn chị Nguyễn Thị Th là có căn cứ, vì vậy không thể chấp nhận kháng cáo của chị Th và giữ nguyên quan hệ tình cảm của bản án sơ thẩm.

[4] Về quan hệ con cái, tài sản và các khoản nợ chung của vợ chồng đã được cấp sơ thẩm giải quyết, anh M, chị Th không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét, các mối quan hệ trên có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Th trình bày nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do anh Nguyễn Thọ M quan hệ với người khác và đã có con trong thời kỳ hôn nhân với chị, nhưng chị Th không xuất trình các chứng cứ cụ thể và không làm đơn yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xem xét để xử lý về hình sự việc anh Nguyễn Thọ M vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng không đủ cơ sở để kiến nghị xử lý vấn đề này.

[6] Theo hồ sơ vụ án thì anh M, chị Th có nhiều tài sản chung, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành định giá tài sản, mặt khác anh chị không thuộc trường hợp được giảm án phí theo Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án nhưng Tòa án sơ thẩm miễn cho anh M 1.000.000 đồng và buộc anh M chịu 2.850.000 đồng án phí dân sự là không có căn cứ. Tuy vậy, nội dung này các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét nhưng cần nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th kháng cáo không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 272, Điều 273 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th về phần quan hệ hôn nhân. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ - ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

2. Xử cho anh Nguyễn Thọ M được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

3. Các quan hệ về con chung, chia tài sản, nợ của vợ chồng và án phi sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm ly hôn, được trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai tạm ứng án phí số 0001053 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THA huyện Quảng Ninh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa